

BẢN SAO

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013



Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

MỤC LỤC

Trang

1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC 01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN 03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN 05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ 08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 09 - 25

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013.

Công ty TNHH Một Thành Viên Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh là một Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 09 năm 2010 (được chuyển từ Công ty Quản lý công trình Cầu - Phà Thành Phố cấp ngày 05/01/2006)

Vốn điều lệ 44.713.000.000 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: 132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 08 38 533 244
Fax: +84 08 38 533 244
Mã số thuế: 03010986393

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc trong năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính

Hội đồng thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
- Ông : Lê Hữu Châu	Chủ tịch	23/08/2010
- Ông : Nguyễn Đức Chính	Thành viên	23/08/2010
- Ông : Trần Minh Thành	Thành viên	23/08/2010

Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

- Ông : Nguyễn Đức Chính	Giám đốc
- Ông : Phạm Ngọc Thành	Phó Giám đốc
- Ông : Vũ Tiến Đạt	Phó Giám đốc
- Ông : Trần Minh Trung	Phó Giám đốc
- Bà : Lê Nga Phương	Kế Toán Trưởng

Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu, sửa chữa thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu phà của Thành phố theo phân cấp quản lý. Quản lý và khai thác phục vụ hành khách qua phà;
- Quản lý các dự án đầu tư công trình sửa chữa lớn cầu và phà được UBND TP giao theo kế hoạch;
- Hoạt động kinh doanh khác.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Giám đốc Doanh nghiệp, đến kết quả hoạt động của Doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính 2013. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Doanh nghiệp cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 20 tháng 03 năm 2014 *v*
Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



NGUYỄN ĐỨC CHÍNH
Giám đốc

Số 020/2014/BCKT-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ
CHÍ MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành Viên Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh, được lập ngày 20/03/2014, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám Đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN TIẾP THEO)

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Đến thời điểm phát hành báo cáo, Công ty chưa đối chiếu đầy đủ các khoản nợ phải thu, nợ phải trả. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để xác định tính hiện hữu và giá trị của các khoản số dư này.
- Cho đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chúng tôi chưa nhận được quyết toán quỹ tiền lương thực hiện của Công ty. Chúng tôi cũng không thể thực hiện kiểm tra được tính đúng đắn của chỉ tiêu này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành Viên Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2014

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)



NGUYỄN THÀNH ĐỨC

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2013-196-1

Kiểm toán viên

NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1725-2013-196-1

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		261.459.940.887	239.274.458.400
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		74.952.849.323	81.718.712.835
Tiền	111	V.01	74.952.849.323	20.718.712.835
Các khoản tương đương tiền	112		-	61.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu	130		81.814.683.891	42.572.188.824
Phải thu của khách hàng	131	V.02	68.715.799.817	25.704.995.999
Trả trước cho người bán	132	V.03	6.940.430.141	10.666.539.141
Các khoản phải thu khác	135	V.04	6.403.296.398	6.445.496.149
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.05	(244.842.465)	(244.842.465)
Hàng tồn kho	140		3.796.021.513	4.373.368.843
Hàng tồn kho	141	V.06	3.796.021.513	4.373.368.843
Tài sản ngắn hạn khác	150		100.896.386.160	110.610.187.898
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	2.377.896.048	2.377.896.048
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.08	3.861.834.582	100.047.815
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.09	94.656.655.530	108.132.244.035
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		89.095.570.030	71.322.929.520
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		88.817.016.615	71.322.929.520
TSCĐ hữu hình	221	V.10	88.288.582.723	70.820.609.520
Nguyên giá	222		142.251.507.426	116.392.846.188
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.962.924.703)	(45.572.236.668)
TSCĐ vô hình	227	V.11	66.113.892	40.000.000
Nguyên giá	228		87.100.000	40.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.986.108)	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	462.320.000	462.320.000
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		278.553.415	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	278.553.415	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		350.555.510.917	310.597.387.920

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

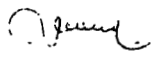
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013


<i>Đơn vị tính: VND</i>				
NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
NỢ PHẢI TRẢ	300		208.394.308.184	200.009.038.266
Nợ ngắn hạn	310		208.394.308.184	200.009.038.266
Phải trả cho người bán	312	V.14	14.625.406.433	12.973.972.924
Người mua trả tiền trước	313	V.15	93.513.852.265	76.128.574.478
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	9.565.985.185	7.886.608.735
Phải trả công nhân viên	315	V.17	36.830.353.099	51.605.642.610
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	V.18	56.082.513.812	40.972.479.930
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	(2.223.802.610)	10.441.759.589
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		142.161.202.733	110.588.349.654
Vốn chủ sở hữu	410	V.20	146.261.143.629	114.844.789.773
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		98.532.825.381	86.280.525.381
Quỹ dự phòng tài chính	418		8.952.572.811	8.952.572.811
Lợi nhuận chưa phân phối	420		38.775.745.437	19.611.691.581
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.21	(4.099.940.896)	(4.256.440.119)
Nguồn kinh phí	432		(4.099.940.896)	(4.256.440.119)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		350.555.510.917	310.597.387.920

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.


TRẦN THỊ KIM OANH
Người lập biểu


LÊ NGA PHƯƠNG
Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 03 năm 2014


NGUYỄN ĐỨC CHÍNH
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

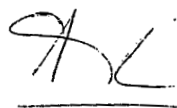
Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

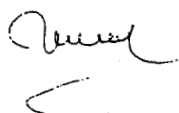
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.22	385.645.774.149	337.135.774.372
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		385.645.774.149	337.135.774.372
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.23	345.365.993.056	282.668.105.062
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.279.781.093	54.467.669.310
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.24	5.410.805.982	8.080.899.330
7. Chi phí tài chính	22	VI.25	-	65.978.334
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	65.978.334
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.26	29.169.204.703	38.447.475.286
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.521.382.372	24.035.115.020
11. Thu nhập khác	31	VI.27	9.775.647.052	2.154.961.601
12. Chi phí khác	32	VI.28	744.957.617	42.273.345
13. Lợi nhuận khác	40		9.030.689.435	2.112.688.256
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.552.071.807	26.147.803.276
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		6.388.017.951	6.536.950.819
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.164.053.856	19.610.852.457
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 20 tháng 03 năm 2014



TRẦN THỊ KIM OANH
Người lập biểu



LÊ NGÀ PHƯƠNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN ĐỨC CHÍNH
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

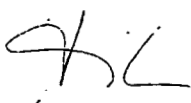
Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

(Phương pháp trực tiếp)

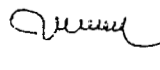
Đơn vị tính: VND

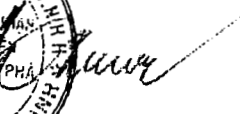
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
<u>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH</u>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		395.840.069.534	371.730.721.530
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(154.327.802.034)	(68.055.689.456)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(98.882.358.056)	(109.529.464.331)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	(65.978.334)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(10.823.505.220)	(6.320.250.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.038.925.327	260.491.227.063
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(119.375.763.090)	(431.348.187.334)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		20.469.566.461	16.902.379.138
<u>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</u>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(27.235.429.973)	(10.888.703.577)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.235.429.973)	(10.888.703.577)
<u>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</u>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(930.000.000,0)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(930.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(6.765.863.512)	5.083.675.561
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		81.718.712.835	76.635.037.274
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	VII.34	74.952.849.323	81.718.712.835

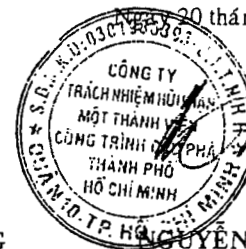
Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.


TRẦN THỊ KIM OANH
 Người lập biểu

20 tháng 03 năm 2014


LÊ NGA PHƯƠNG
 Kế toán trưởng


NGUYỄN ĐỨC CHÍNH
 Giám đốc



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một Thành Viên Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh là một Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 09 năm 2010 (được chuyển từ Công ty Quản lý công trình Cầu - Phà Thành Phố cấp ngày 05/01/2006)

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH 1 TV 100% vốn Nhà nước địa phương

- Vốn điều lệ đăng ký: 44.713.000.000 VND

Công ty có trụ sở đặt tại: 132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty có các đơn vị trực thuộc bao gồm:

Xí Nghiệp Công Trình Giao Thông 1

Xí Nghiệp Công Trình Giao Thông 2

Xí Nghiệp Công Trình Giao Thông 3

Xí Nghiệp Công Trình Giao Thông 4

Xí Nghiệp Công Trình Giao Thông 5

Xí Nghiệp Công Trình Giao Thông 6

Xí Nghiệp Công Trình Giao Thông 7

Xí Nghiệp Phà Cát Lái Thủ Thiêm

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu, sửa chữa thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu phà của Thành phố theo phân cấp quản lý. Quản lý và khai thác phục vụ hành khách qua phà;

- Quản lý các dự án đầu tư công trình sửa chữa lớn cầu và phà được UBND TP giao theo kế hoạch;

- Hoạt động kinh doanh khác.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư được xác định theo giá mua thực tế. Công ty đã trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường;

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm. Dự phòng giảm giá của cổ phiếu niêm yết được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giảm giữa giá mua cổ phiếu với giá trị thị trường tại thời điểm cuối kỳ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được;

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng;

Trong năm, đơn vị chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ;

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

b. TSCĐ vô hình:

TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh;

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá;

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỷ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	23.395.548	30.746.010
+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	23.395.548	30.746.010
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	12.929.453.775	20.687.966.825
- NH Đầu Tư & PT VN	5.647.539.641	14.792.180.599
- NH Nông nghiệp & PT NT-CN Đông Sài Gòn (CL)	3.761.730.426	3.681.414.076
- NH Nông nghiệp & PT NT-CN Đông Sài Gòn (TT)	-	-
- NH Nông nghiệp & PT NT- Quận 10	367.565.582	15.907.222
- NH Nông nghiệp & PT NT- CN Hiệp Phước	547.650.450	538.898.250
- NH Đầu Tư & PT Việt Nam (Vốn chuyển dụng)	1.363.023.096	1.344.542.098
- NH Đầu Tư & PT Việt Nam (Sửa chữa lớn)	-	19.039.000
- Tài khoản kho bạc	1.241.944.580	295.985.580
Các khoản tương đương tiền	62.000.000.000	61.000.000.000
Tổng cộng	74.952.849.323	81.718.712.835

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

	Cuối năm	Đầu năm
2. Phải thu khách hàng		
- Bộ phận duy tu cầu (*)	48.241.348.290	18.619.243.690
- Bộ phận công trình B (**)	18.367.312.834	6.114.749.168
- Bộ phận đầu tư (***)	2.107.138.693	971.003.141
Tổng cộng	68.715.799.817	25.704.995.999
(*) - Bộ phận duy tu chi tiết bao gồm:	48.241.348.290	18.619.243.690
<i>Khu quản lý GTĐT số 01</i>	3.888.762.696	2.428.206.696
<i>Khu quản lý GTĐT số 02</i>	13.716.170.596	4.953.576.996
<i>Khu quản lý GTĐT số 03</i>	3.590.761.000	1.260.181.000
<i>Khu quản lý GTĐT số 04</i>	25.009.286.998	9.977.278.998
<i>Hầm vượt sông Sài Gòn</i>	2.036.367.000	-
(**) - Bộ phận công trình B chi tiết bao gồm:	18.367.312.834	6.114.749.168
<i>Công ty Điện Thoại Tây TP</i>	982.609.655	49.983.135
<i>Công ty Điện Thoại Đông TP</i>	1.733.701.639	1.673.780.765
<i>BQL DA Xây Dựng Bưu Điện</i>	67.034.057	67.034.057
<i>Khu Quản Lý GT Đô Thị Số 1</i>	242.631.000	101.227.000
<i>CN Tổng Cty Sông Đà</i>	150.000.000	150.000.000
<i>Cty XD Cấp Thoát Nước</i>	237.343.400	237.343.400
<i>Khu Đường Sông</i>	3.062.912.728	1.855.772.528
<i>Ban quản lý Dự án Hóc Môn</i>	1.486.960.000	-
<i>Công ty TNHH Anh Dương Nam</i>	604.095.825	-
<i>Công ty TNHH Saint - Gobain</i>	1.493.666.626	-
<i>Khu Quản Lý GT Đô Thị Số 2</i>	3.140.302.000	124.000.000
<i>Khu Quản Lý GT Đô Thị Số 3</i>	857.137.000	438.046.000
<i>Khu Quản Lý GT Đô Thị Số 4</i>	1.688.435.000	224.200.578
<i>Các khách hàng khác</i>	2.620.483.904	1.193.361.705
(***) - Bộ phận đầu tư	2.107.138.693	971.003.141
<i>Ban QLDA Khu vực Q9</i>	-	34.624.352
<i>Khu QLGT Đô Thị Số 1</i>	162.079.000	-
<i>Khu QLGT Đô Thị Số 4</i>	342.905.000	-
<i>Khu 3</i>	-	109.275.000
<i>Các khách hàng khác</i>	1.602.154.693	827.103.789

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

	Cuối năm	Đầu năm
3. Trả trước cho người bán		
- Bộ phận phà đò (*)	357.040.424	275.500.000
- Bộ phận đầu tư (**)	6.023.398.517	6.793.496.596
- Bộ phận văn phòng + khác (***)	559.991.200	3.597.542.545
Tổng cộng	6.940.430.141	10.666.539.141
(*) - Bộ phận phà đò chi tiết bao gồm:	357.040.424	275.500.000
<i>Công ty TNHH XD TM CN Hàng Hải Tây Nam</i>	-	170.000.000
<i>Công ty QL CT Cầu Phà TP</i>	248.819.700	-
<i>Công ty TNHH Thời trang Công sở Mỹ Thành</i>	-	90.000.000
<i>TT Nghiên cứu KH & PT CN GT Vận Tải</i>	-	15.500.000
<i>Các khách hàng khác</i>	108.220.724	-
(**) - Bộ phận đầu tư chi tiết bao gồm	6.023.398.517	6.793.496.596
<i>Công ty CT Giao Thông 68</i>	-	3.370.000.000
<i>Công ty CT Đường Thủy</i>	-	1.365.246.000
<i>Dự án Cầu Cái Trung</i>	8.519.000	8.519.000
<i>Dự án Cầu Chợ Cầu</i>	54.420.083	54.420.083
<i>DA nâng cấp Bến phà Thủ Thiêm</i>	805.000	41.589.707
<i>Công trình Cầu Hà Thanh</i>	132.413.928	127.860.000
<i>Dự án Cầu Rạch Lá</i>	260.156.000	356.603.000
<i>Dự án Cầu An Nghĩu</i>	3.485.149.000	125.149.000
<i>Nâng cấp Bến phà Bình Khánh</i>	1.628.664.980	-
<i>Các khách hàng khác</i>	453.270.526	1.344.109.806
(***) - Bộ phận văn phòng	559.991.200	3.597.542.545
<i>Công ty TNHH Máy Xây Dựng Vi Trác</i>	-	3.520.000.000
<i>Các Công ty khác</i>	559.991.200	77.542.545
4. Các khoản phải thu khác		
- Bảo hiểm xã hội	154.847.875	105.311.535
- Bảo hiểm y tế	33.181.691	22.566.759
- Bảo hiểm thất nghiệp	22.121.125	15.044.505
- Thuế TNCN	164.118.987	554.335.878
- Thu khác công trình B (*)	6.029.026.720	5.748.237.472
Tổng cộng	6.403.296.398	6.445.496.149

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

(*) - Thu khác công trình B bao gồm:	6.029.026.720	5.748.237.472
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn	139.738.840	-
Khu quản lý GTĐT Số 1	1.705.727.000	1.523.104.600
Khu quản lý GTĐT Số 2	1.911.000.000	1.852.000.000
Khu quản lý GTĐT Số 3	708.000.000	642.000.000
Khu quản lý GTĐT Số 4	1.488.079.000	1.248.079.000
Ban quản lý DA Quận 8	29.000.000	-
Ủy Ban Nhân dân Quận 3	20.000.000	20.000.000
Điện Lực Tân Thuận	30.000.000	-
Các khách hàng khác	(2.518.120)	463.053.872
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	Cuối năm	Đầu năm
- Dự phòng khoản phải thu khó đòi	(244.842.465)	(244.842.465)
Tổng cộng	(244.842.465)	(244.842.465)
6. Hàng tồn kho	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	3.116.920.026	3.825.538.396
Công cụ, dụng cụ	679.101.487	547.830.447
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	3.796.021.513	4.373.368.843
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	3.796.021.513	4.373.368.843
7. Chi phí trả trước ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
- Số dư đầu năm	2.377.896.048	1.008.401.938
- Phát sinh trong năm	-	2.398.518.000
- Kết chuyển chi phí	-	1.029.023.890
Tổng cộng	2.377.896.048	2.377.896.048
8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế TNCN	535.590.386	100.047.815
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.326.244.196	-
Tổng cộng	3.861.834.582	100.047.815

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

9. Tài sản ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
- Tạm ứng bộ phận kho + nhân viên (*)	100.511.352	40.560.000
- Tạm ứng bộ phận công trình duy tu (**)	11.261.944.618	-
- Tạm ứng bộ phận công trình B (***)	82.697.294.237	108.015.666.475
- Tạm ứng bộ phận đầu tư + tư vấn	596.905.323	76.017.560
Tổng cộng	94.656.655.530	108.132.244.035
<i>(*) - Tạm ứng bộ phận kho + nhân viên bao gồm:</i>	<i>100.511.352</i>	<i>40.560.000</i>
<i>Các cá nhân khác</i>	<i>100.511.352</i>	<i>40.560.000</i>
<i>(**) - Tạm ứng bộ phận công trình duy tu bao gồm:</i>	<i>11.261.944.618</i>	<i>-</i>
<i>Xí nghiệp CTGT 1</i>	<i>1.791.548.622</i>	<i>-</i>
<i>Xí nghiệp CTGT 2</i>	<i>1.496.860.553</i>	<i>-</i>
<i>Xí Nghiệp CTGT 3</i>	<i>1.464.584.730</i>	<i>-</i>
<i>Xí nghiệp CTGT 4</i>	<i>1.712.308.219</i>	<i>-</i>
<i>Xí Nghiệp CTGT 5</i>	<i>74.983.478</i>	<i>-</i>
<i>Xí Nghiệp CTGT 6</i>	<i>1.147.173.971</i>	<i>-</i>
<i>Xí Nghiệp CTGT 7</i>	<i>3.333.044.010</i>	<i>-</i>
<i>Phòng QLP - XMTB</i>	<i>241.441.035</i>	<i>-</i>
<i>(***) - Tạm ứng bộ phận công trình B bao gồm:</i>	<i>82.697.294.237</i>	<i>108.015.666.475</i>
<i>Xí Nghiệp CTGT 1</i>	<i>3.258.154.036</i>	<i>9.786.073.121</i>
<i>Xí Nghiệp CTGT 2</i>	<i>30.485.328.138</i>	<i>32.347.817.819</i>
<i>Xí Nghiệp CTGT 3</i>	<i>2.296.063.809</i>	<i>9.309.943.020</i>
<i>Xí Nghiệp CTGT 4</i>	<i>15.526.925.182</i>	<i>12.444.247.962</i>
<i>Xí Nghiệp CTGT 5</i>	<i>17.157.709.024</i>	<i>19.355.276.668</i>
<i>Xí Nghiệp CTGT 6</i>	<i>5.954.272.229</i>	<i>8.475.205.749</i>
<i>Xí Nghiệp CTGT 7</i>	<i>8.018.841.819</i>	<i>16.297.102.136</i>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	11.714.735.471	3.221.494.501	49.784.774	14.886.445.198
Máy móc thiết bị	3.997.771.595	1.016.863.636	274.653.056	4.739.982.175
PTVTài, truyền dẫn	98.973.406.584	22.663.092.636	142.666.667	121.493.832.553
Dụng cụ quản lý	1.706.932.538	333.979.200	909.664.238	1.131.247.500
Tổng cộng	116.392.846.188	27.235.429.973	1.376.768.735	142.251.507.426
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.577.424.139	1.426.668.614	49.784.774	2.954.307.979
Máy móc thiết bị	2.929.940.539	393.031.801	250.624.985	3.072.347.355
PTVTài, truyền dẫn	39.945.233.734	7.365.017.671	64.333.281	47.245.918.124
Dụng cụ quản lý	1.119.638.256	274.449.157	703.736.168	690.351.245
Tổng cộng	45.572.236.668	9.459.167.243	1.068.479.208	53.962.924.703
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	10.137.311.332	1.794.825.887		11.932.137.219
Máy móc thiết bị	1.067.831.056	623.831.835		1.667.634.820
PTVTài, truyền dẫn	59.028.172.850	15.298.074.965		74.247.914.429
Dụng cụ quản lý	587.294.282	59.530.043		440.896.255
Tổng cộng	70.820.609.520	17.776.262.730		88.288.582.723

11. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Phần mềm máy tính	40.000.000	73.400.000	26.300.000	87.100.000
Tổng cộng	40.000.000	73.400.000	26.300.000	87.100.000
Khấu hao lũy kế				
Phần mềm máy tính	-	29.022.224	8.036.116	20.986.108
Tổng cộng	-	29.022.224	8.036.116	20.986.108
Giá trị còn lại				
Phần mềm máy tính	40.000.000			66.113.892
Tổng cộng	40.000.000			66.113.892

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Nhà làm việc 451/14 Tô Hiến Thành, Q10	462.320.000	462.320.000
Tổng cộng	462.320.000	462.320.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

	Cuối năm	Đầu năm
13. Chi phí trả trước dài hạn		
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	384.897.133	
Đã kết chuyển vào CP SXKD trong năm	106.343.718	
Số dư cuối năm	278.553.415	-
14. Phải trả người bán	Cuối năm	Đầu năm
- Bộ phận kho (*)	2.792.083.772	1.702.133.699
- Bộ phận phà đò (**)	6.979.450.848	6.406.577.030
- Bộ phận đầu tư (***)	4.578.890.400	4.797.436.090
- Bộ phận văn phòng	274.981.413	67.826.105
Tổng cộng	14.625.406.433	12.973.972.924
(*) - Bộ phận kho chi tiết bao gồm:	2.792.083.772	1.702.133.699
Công ty Hoàng Hào	-	50.066.902
Cty TNHH CT Giao Thông Sài Gòn	-	593.822.310
Cty TNHH SX TM Phi Đạt	-	226.847.425
Công ty CP Sơn Á Đông	-	396.211.623
Các khách hàng khác	2.792.083.772	435.185.439
(**) - Bộ phận phà đò chi tiết bao gồm:	6.979.450.848	6.406.577.030
TT Quản lý Phà và Bến xe Bến Tre	-	279.530.093
Công ty CP VT Xăng Dầu Comeco	-	1.161.420.000
Công ty CP CK Giao Thông Quận 4	-	1.316.475.000
CN Sao Mai-Cty TNHH MTV Đóng Tàu 76	-	2.648.270.000
Các khách hàng khác	6.979.450.848	1.000.881.937
(***) - Bộ phận đầu tư	4.578.890.400	4.797.436.090
Công ty CP CKXD Giao Thông	-	1.005.280.000
Công ty QLSC Cầu Đường 72	-	485.965.123
Dự án Cầu Kênh C	19.893.525	517.399.525
Dự án Cầu Cái Trung	46.514.000	164.223.000
Dự án Cầu Chợ Cầu	204.412.265	204.412.265
Nâng cấp Bến phà Bình Khánh	610.395.123	-
Bến phà Cát Lái	391.894.185	-
Cầu Hà Thanh	-	4.432.000
Công ty TNHH MTV DV Hàng hải Hải Phúc	1.574.457.200	-
Công ty TNHH Máy Xây dựng Vi Trúc	833.650.000	-
Các khách hàng khác	897.674.102	2.415.724.177

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

15. Người mua trả tiền trước	Cuối năm	Đầu năm
- Bộ phận duy tu cầu (*)	32.441.555.000	-
- Bộ phận công trình B (**)	60.932.083.599	75.863.614.812
- Bộ phận đầu tư (***)	140.213.666	264.959.666
Tổng cộng	93.513.852.265	76.128.574.478
(*) - Bộ phận duy tu chi tiết bao gồm:	32.441.555.000	-
Khu QLGTĐThị số 01	3.944.975.000	-
Khu QLGTĐThị số 02	10.068.726.000	-
Khu QLGTĐThị số 03	3.706.601.000	-
Khu QLGTĐThị số 04	14.721.253.000	-
(**) - Bộ phận công trình B chi tiết bao gồm:	60.932.083.599	75.863.614.812
Công ty Điện Thoại Tây TP	1.132.600.000	4.424.200.000
Công ty Điện Thoại Đông TP	4.230.499.848	8.381.118.158
Công ty cổ phần Thăng Long 17	2.000.000.000	2.000.000.000
Ban DLDA Quận 8	1.592.770.000	1.488.300.000
Khu Đường Sông	4.044.701.000	3.804.006.000
UBND Phường 7 Quận 3	37.897.575	4.717.822.423
Công ty XL Điện 2	-	1.500.000.000
Khu quản lý GTĐT 1	1.871.752.000	-
Khu quản lý GTĐT 2	10.804.116.000	17.604.050.000
Khu quản lý GTĐT 3	6.232.525.000	13.247.643.000
Khu quản lý GTĐT 4	19.406.717.790	12.802.941.600
Công ty DV Bưu Chính VT Sài Gòn (SPT)	268.549.590	1.519.771.785
Công ty CP Địa Ốc 10	2.148.020.629	1.344.937.629
Ban DLDA ĐT XD Huyện Nhà Bè	869.936.088	-
Ban DLDA ĐT XD Huyện Cần Giờ	1.000.000.000	-
Ban QLDA Hóc Môn	225.000.000	-
Công ty CP BOO Đồng Tâm	525.000.000	-
Tổng Cty điện lực TP.HCM	1.903.177.272	-
Cảng vụ Đường thủy nội địa	542.000.000	-
Các khách hàng khác	2.096.820.807	3.028.824.217
(***) - Bộ phận đầu tư	140.213.666	264.959.666
Khu QLGT Đô Thị Số 1	104.213.666	-
Khu 1	-	194.213.666
Khu 4	-	70.746.000
Các khách hàng khác	36.000.000	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

	Cuối năm	Đầu năm
16. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước		
Thuế giá trị gia tăng	9.136.709.336	6.678.191.266
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.109.243.073
Các loại thuế khác	429.275.849	99.174.396
Tổng cộng	9.565.985.185	7.886.608.735
Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.		
17. Phải trả cho công nhân viên	Cuối năm	Đầu năm
Bộ phận duy tu cầu	30.772.416.909	45.650.734.990
Bộ phận Phà	3.326.821.918	3.023.719.217
Bộ phận CT kinh doanh	89.885.187	1.536.529.494
Bộ phận TV giám sát	142.901.600	657.232.590
Bộ phận khác	2.498.327.485	737.426.319
Tổng cộng	36.830.353.099	51.605.642.610
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
- Kinh phí công đoàn	-	139.157.246
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	38.993.000	48.393.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	56.043.520.812	40.784.929.684
Tổng cộng	56.082.513.812	40.972.479.930
(*) Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác	56.043.520.812	40.784.929.684
- Thuế VAT đầu vào của công trình B	25.067.470.960	19.116.332.454
<i>Là các khoản thuế VAT phải trả khi quyết toán nội bộ giữa các Xí nghiệp trực thuộc Công ty.</i>		
- Bộ phận duy tu	8.983.956.765	9.092.014.461
<i>Xí nghiệp CTGT 1</i>	<i>2.572.255.391</i>	<i>2.146.126.341</i>
<i>Xí nghiệp CTGT 2</i>	<i>2.016.343.144</i>	<i>1.675.899.377</i>
<i>Xí nghiệp CTGT 3</i>	<i>1.160.579.323</i>	<i>1.292.629.322</i>
<i>Xí nghiệp CTGT 4</i>	<i>567.118.795</i>	<i>1.304.975.778</i>
<i>Xí nghiệp CTGT 5</i>	<i>800.945.119</i>	<i>646.422.875</i>
<i>Xí nghiệp CTGT 6</i>	<i>922.737.623</i>	<i>652.051.656</i>
<i>Xí nghiệp CTGT 7</i>	<i>943.977.370</i>	<i>1.373.909.112</i>
- Bộ phận công trình B	21.725.344.595	11.594.748.186
<i>Xí nghiệp CTGT 1</i>	<i>2.657.359.427</i>	<i>1.221.945.294</i>
<i>Xí nghiệp CTGT 2</i>	<i>2.576.298.106</i>	<i>653.462.697</i>
<i>Xí nghiệp CTGT 3</i>	<i>1.879.728.751</i>	<i>349.123.718</i>
<i>Xí nghiệp CTGT 4</i>	<i>355.208.708</i>	<i>930.734.236</i>
<i>Xí nghiệp CTGT 5</i>	<i>4.023.119.338</i>	<i>1.948.249.713</i>
<i>Xí nghiệp CTGT 6</i>	<i>7.548.912.591</i>	<i>5.669.189.738</i>
<i>Xí nghiệp CTGT 7</i>	<i>2.684.717.674</i>	<i>822.042.790</i>
- Các khoản phải trả khác	266.748.492	981.834.583

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

19. Quỹ khen thưởng phúc lợi	Cuối năm	Đầu năm
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.223.802.610)	10.441.759.589
Tổng cộng	(2.223.802.610)	10.441.759.589

20. **Vốn chủ sở hữu**

a. **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
Số dư đầu năm trước	84.557.048.915	1.143.839.124	-	8.952.572.811
Tăng vốn trong năm trước	3.521.635.964			-
Giảm vốn trong năm trước	1.798.159.498			-
Lãi trong năm trước		19.610.852.457		-
Lỗ trong năm trước		1.143.000.000		-
Số dư cuối năm trước	86.280.525.381	19.611.691.581	-	8.952.572.811
Tăng vốn năm nay	12.252.300.000			-
Giảm vốn năm nay	-			-
Lãi trong năm		19.164.053.856		-
Lỗ trong năm				-
Giảm khác				-
Số dư cuối năm nay	98.532.825.381	38.775.745.437		8.952.572.811

b. **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm	%	Đầu năm	%
Vốn góp của nhà nước	98.532.825.381	100%	86.280.525.381	100%
Vốn góp của các đối tượng khác	-	0%	-	0%

21. **Nguồn kinh phí**

	Cuối năm	Đầu năm
- Số dư đầu năm	(4.256.440.119)	9.612.643.802
Tăng trong năm	162.241.403.804	112.208.320.549
Giảm trong năm	162.084.904.581	126.077.404.470
- Số dư cuối năm	(4.099.940.896)	(4.256.440.119)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm nay	Năm trước
22. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	385.645.774.149	337.135.774.372
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	385.645.774.149	337.135.774.372
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	385.645.774.149	337.135.774.372
23. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hoá	345.365.993.056	282.668.105.062
Tổng cộng	345.365.993.056	282.668.105.062
24. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.410.805.982	8.080.899.330
Tổng cộng	5.410.805.982	8.080.899.330
25. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	-	65.978.334
Tổng cộng	-	65.978.334
26. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	18.928.758.010	28.599.761.967
Chi phí vật liệu quản lý	920.020.744	1.917.289.697
Chi phí đồ dùng văn phòng	863.921.525	977.730.374
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.395.361.101	1.706.086.997
Thuế, phí và lệ phí	1.065.932.835	394.014.227
Chi phí dự phòng	45.511.875	441.822.323
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.949.780.778	3.426.854.194
Chi phí bằng tiền khác	999.917.835	983.915.507
Tổng cộng	29.169.204.703	38.447.475.286
27. Thu nhập khác		
Lương chưa chi năm 2012	7.308.150.260	
Tăng lãi chi phí duy tu không phải trả 2008, 2009	1.210.533.856	
Thu nhập khác	1.256.962.936	2.154.961.601
Tổng cộng	9.775.647.052	2.154.961.601
28. Chi phí khác		
Chi phí khác	744.957.617	42.273.345
Tổng cộng	744.957.617	42.273.345

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

VII. Những thông tin khác

1. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Sau ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2013 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

2. Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm được kiểm tra bởi Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV - Tp. Hồ Chí Minh, tuy nhiên doanh nghiệp điều chỉnh được hạch toán trong năm 2013.

3. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)	25,42%	22,96%
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	74,58%	77,04%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản		
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	59,45%	64,39%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	40,55%	35,61%
2. Khả năng thanh toán		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1,25	1,20
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,36	0,41
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	6,37%	7,53%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	4,78%	30,31%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	7,29%	8,42%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	5,47%	6,31%
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	13,10%	17,08%

Ngày 20 tháng 03 năm 2014

TRẦN THỊ KIM OANH
Người lập biểu

LÊ NGA PHƯƠNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN ĐỨC CHÍNH
Giám đốc

